

Áp dụng mô hình SMART đánh giá tác động TPP đến nền kinh tế Việt Nam: Trường hợp nghiên cứu ngành dệt may

Nguyễn Chiến Thắng

Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Email: ncthang69@yahoo.com

Phạm Sỹ An

Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Email: phamsian@gmail.com

Ngày nhận: 3/10/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/10/2016

Ngày duyệt đăng: 25/11/2016

Tóm tắt:

Bài viết sử dụng sử dụng Mô hình cân bằng từng phần SMART (Software for Market Analysis and Restrictions on Trade) để đánh giá tác động của TPP đến ngành dệt may của Việt Nam. Nguồn số liệu được lấy từ cơ sở dữ liệu WITS (World Integrated Trade Solution) của Ngân hàng Thế giới. Kết quả phân tích cho thấy TPP tác động đến nhập khẩu dệt may của Việt Nam không đáng kể và cơ hội xuất khẩu là rất lớn. Từ các phân tích, nghiên cứu đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm phát triển ngành dệt may theo chiều sâu trong quá trình tham gia TPP.

Từ khóa: Mô hình cân bằng từng phần SMART, TPP, ngành dệt may, đánh giá tác động

Using SMART model for evaluating impact of TPP on Vietnam's economy: A case study of garment sector

Abstract

This study used SMART (Software for Market Analysis and Restrictions on Trade) model to analyse the impacts of TPP on Vietnam's garment sector. Data for analysis were retrieved from World Bank WITS (World Integrated Trade Solution). Study findings showed that impacts on Vietnam's import of garment were inconsiderable and opportunities for exports were big. In light of these evaluations, some policy recommendations were put forward to improve competitiveness of the garment sector in the context of TPP participation.

Keywords: SMART model, Software for Market Analysis and Restrictions on Trade, TPP, garment sector, impacts analysis.

1. Đặt vấn đề

Với tầm quan trọng của Hiệp định TPP đối với nền kinh tế Việt Nam, cho đến nay, đã có những công trình nghiên cứu về tác động của TPP lên tổng thể nền kinh tế Việt Nam và một số ngành sản xuất trong nước. Nghiên cứu tương đối sớm tác động của TPP đến nền kinh tế Việt Nam sử dụng mô hình cân bằng tổng thể (CGE) của Petri & cộng sự (2012), tiếp sau đó các công trình nghiên cứu ngày một nhiều hơn như Le Hong Hiep (2015), Vanzetti & Pham Lan Huong (2015), Nguyễn Đức Thành & Nguyễn Thị

Thu Hằng (2015), và gần đây nhất là đánh giá mới của Petri & Plummer (2016). Hầu hết các nghiên cứu này đều sử dụng mô hình cân bằng tổng thể để đánh giá tác động của TPP đến nền kinh tế Việt Nam và kết luận đưa ra tương đối lạc quan, cho thấy nền kinh tế Việt Nam được lợi nhiều từ TPP.

Mặc dù có những lợi thế trong phân tích chính sách, mô hình CGE cũng có những hạn chế nhất định như Vanzetti & Pham Lan Huong (2015) đã chỉ rõ: “Mô hình cân bằng tổng thể là mô hình dùng để đánh giá tác động của thay đổi các chính sách

lượng hóa được lên toàn bộ nền kinh tế. Kết quả mô phỏng chính sách cho thấy một số ngành được hưởng lợi lớn hoặc bị thua thiệt lớn từ việc thực hiện TPP. Nhưng để có thể thấy được mức độ chi tiết hơn trong từng ngành, phương pháp này cần kết hợp với việc phân tích sâu các ngành cần quan tâm thì mới có thể hiểu thấu đáo hơn điểm mạnh, điểm yếu của từng ngành để đề ra các khuyến nghị chính sách phù hợp.”

Mô hình cân bằng từng phần SMART (Software for Market Analysis and Restrictions on Trade) là một công cụ bổ sung thích hợp để phân tích sâu từng ngành. Nghiên cứu này của chúng tôi sẽ bổ sung thêm từ các nghiên cứu trước để làm rõ hơn các vấn đề trong một ngành được lựa chọn. Bài viết chọn ngành dệt may và đây là ngành được coi sẽ được hưởng lợi từ TPP.

Các nghiên cứu đánh giá hay đề cập tác động của TPP đến ngành dệt may tương đối nhiều như Phạm Minh Đức (2014), Le Hong Hiep (2015), VEPR (2015). Hầu hết các nghiên cứu sử dụng phân tích định tính hoặc mô hình CGE để đánh giá tác động. Nghiên cứu này sử dụng mô hình cân bằng từng phần SMART để đánh giá tác động của TPP đến ngành dệt may.

Bài viết có cấu trúc như sau. Ngoài phần đặt vấn đề, phần tiếp theo sẽ giới thiệu mô hình SMART sử dụng để đánh giá tác động. Phần 3 đánh giá tác động của TPP đến ngành dệt may và cuối cùng phần 4 sẽ rút ra kết luận và một số gợi ý chính sách.

2. Giới thiệu mô hình SMART

Mô hình cân bằng từng phần SMART được sử dụng để đánh giá tác động của FTA đến thương mại, doanh thu thuế và tác động đến phúc lợi của tổng thể nền kinh tế. Mô hình này và các công cụ mô phỏng là một phần của cơ sở dữ liệu thương mại WITS (World Integrated Trade Solution) và phần mềm được thiết kế từ sự kết hợp giữa Ngân hàng Thế giới và Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD).

Mô hình này đã được nhiều nghiên cứu sử dụng để đánh giá tác động của các FTA đến các ngành hàng cụ thể như Rani & Kumar (2014) sử dụng mô hình SMART để đánh giá tác động của FTA đến mặt hàng tôm xuất khẩu của Ấn Độ sang EU hay Ha Cong Anh Bao (2016) sử dụng mô hình SMART để phân tích tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU đến ngành gỗ của Việt Nam.

Mô hình SMART tập trung vào những thay đổi

trong nhập khẩu đối với một thị trường cụ thể khi có thay đổi trong chính sách thương mại (chẳng hạn giảm thuế nhập khẩu). Khía cạnh nhập khẩu của thị trường trong mô hình SMART dựa vào *giả thiết Armington (Armington assumption)* cho rằng các loại hàng hóa có sự khác biệt giữa các quốc gia. Giả sử này ngụ ý rằng, với một hàng hóa cụ thể, nhập khẩu từ một quốc gia là sự thay thế không hoàn hảo từ nhập khẩu của quốc gia khác. Vì thế, cho dù một FTA dẫn đến tự do hóa thương mại ưu đãi cho một hay một nhóm nước nào đó, nhu cầu nhập khẩu không hoàn toàn dịch chuyển từ nước bên ngoài FTA sang các nước thành viên của FTA. Mô hình SMART cũng giả sử nhu cầu của người tiêu dùng được quyết định trong quá trình tối ưu 2 giai đoạn. Giai đoạn đầu, người tiêu dùng quyết định chi tiêu bao nhiêu vào hàng hóa căn cứ vào những thay đổi trong chỉ số giá tiêu dùng của hàng hóa đó. Mỗi quan hệ giữa thay đổi trong chỉ số giá và tác động vào cầu nhập khẩu của hàng hóa này được xác định bởi độ co giãn của cầu nhập khẩu (cầu nhập khẩu thay đổi bao nhiêu phần trăm khi giá thay đổi). Tại giai đoạn thứ hai, mức chi tiêu được lựa chọn đối với hàng hóa này được phân phối trong số những quốc gia khác nhau, phụ thuộc vào mức giá tương đối giữa các quốc gia. Phạm vi của sự phản ứng lựa chọn hàng hóa giữa các quốc gia đối với sự thay đổi của giá tương đối được xác định từ độ co giãn thay thế (substitution elasticity).

Các quốc gia khác nhau cạnh tranh với nhau để xuất khẩu hàng hóa vào một thị trường và mô hình mô phỏng những thay đổi trong cơ cấu và khối lượng nhập khẩu vào thị trường đó sau khi có sự giảm thuế hoặc thay đổi khác trong chính sách thương mại. Cấp độ phản ứng cung của mỗi nhà xuất khẩu nước ngoài đối với sự thay đổi của giá là độ co giãn của cung xuất khẩu. Mô hình SMART giả sử mặc định rằng độ co giãn cung xuất khẩu của mỗi quốc gia nước ngoài là vô hạn. Có nghĩa là mỗi quốc gia nước ngoài có thể xuất khẩu hàng hóa nhiều nhất có thể tại một mức giá nào đó. Giả sử này phù hợp cho một nước nhập khẩu với số lượng nhỏ để không tác động đến giá của các nhà xuất khẩu nước ngoài. Với những nước bé như Việt Nam, điều này là khá hợp lý. Tất nhiên, mô hình SMART có thể thực hiện với độ co giãn cung xuất khẩu hữu hạn.

Trong mô hình SMART, một FTA tác động đến cả chỉ số giá của hàng hóa và giá cả tương đối giữa các quốc gia với nhau. Giả sử có 3 quốc gia A, B và C. Quốc gia A nhập khẩu hàng hóa từ B và C nhưng

A và B ký FTA với nhau. Giảm thuế nhập khẩu cho quốc gia B sẽ làm giảm giá trong nước của các hàng hóa từ quốc gia B và chỉ số giá hàng hóa trong nước sẽ giảm. Người tiêu dùng nội địa vì thế muốn mua và nhập khẩu hàng hóa nhiều hơn. Giá nhập khẩu từ quốc gia B rẻ hơn tương đối so với C sẽ làm cho người tiêu dùng chuyển nhập khẩu từ C sang B. Sự thay thế nhập khẩu này sẽ được làm cân bằng trong mô hình SMART sao cho sự thay thế này không ảnh hưởng đến lượng nhập khẩu tổng thể mà chỉ đơn giản phân phối lại thị phần trong số các bạn hàng nước ngoài dựa trên giá tương đối mới. FTA do đó dẫn đến tăng nhập khẩu từ một quốc gia hay những quốc gia có lợi ích từ hiệp định thương mại ưu đãi vì giá thấp hơn.

Tóm lại, nước nhập khẩu sẽ tăng nhập khẩu, những quốc gia xuất khẩu trong FTA sẽ tăng xuất khẩu và những nước ngoài FTA sẽ giảm xuất khẩu. Ngoài việc xem xét tác động đến dòng thương mại, mô hình SMART có thể tính toán sự thay đổi trong doanh thu thuế và phúc lợi của người tiêu dùng.

Mô hình SMART đòi hỏi loại dữ liệu có thể được khai thác từ WITS hay từ các nguồn thông tin thay thế, cho sự mô phỏng của một FTA: (i) giá trị nhập khẩu từ mỗi nước bạn hàng, (ii) thuế nhập khẩu đối diện bởi mỗi quốc gia bạn hàng, (iii) độ co giãn nhu cầu nhập khẩu, (iv) độ co giãn cung xuất khẩu cho loại hàng hóa đang phân tích và (v) độ co giãn thay thế giữa hàng hóa các nước.

Trong bài viết này, chúng tôi không thể hiện mô hình SMART dưới các công thức và phương trình ở đây, có thể tham khảo thêm Jammes & Olarreaga (2005).

3. Tác động TPP đến ngành dệt may

Khởi đầu từ ý tưởng của mình về việc xây dựng một hiệp định FTA cho cả khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Singapore đã cùng ba quốc gia: Chile, New Zealand, Brunei ký kết Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) (vì vậy Hiệp định này còn gọi là P4) vào ngày 3/6/2005. Ngày 28/5/2006, hiệp định có hiệu lực. Tuy nhiên, Hiệp định này chỉ được chú ý kể từ năm 2008, khi Mỹ quyết định tham gia. Đây là một mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi trong cách thức tiếp cận hội nhập hướng tới khu vực Châu Á Thái Bình Dương của chính quyền tổng thống George W. Bush. Cũng trong năm đó, Úc và Peru đã quyết định tham gia. Sau đó, năm 2010, Việt Nam và Malaysia đã trở thành hai thành viên chính thức mới của TPP. Tháng 8/2012, Canada và Mexico

tham gia các cuộc đàm phán TPP và trở thành thành viên chính thức vào 10/2012. Nhật Bản chính thức tham gia các cuộc đàm phán TPP vào tháng 7/2013.

TPP được Mỹ thúc đẩy và quốc gia này cũng là thành viên được chú ý nhất trong hiệp định với mong muốn gia tăng lợi ích và vai trò chính trị của mình tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Việc tham gia TPP và đến nay đã ký kết hiệp định này thành công, Mỹ đã đặt một dấu mốc quan trọng trong chính sách xoay trục sang châu Á và tái thiết lập vị thế của mình tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương vốn đang bị lung lay bởi sự trỗi dậy và gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Điều này được thể hiện rõ trong bài phát biểu của tổng thống Obama sau khi TPP được ký kết: “Việc tăng cường các mối quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác và đồng minh trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương là điều thiết yếu trong thế kỷ 21. Tương lai của Mỹ và châu Á gắn kết chặt chẽ với nhau”. Đồng thời, ông cũng cho thấy quyết tâm gia tăng ảnh hưởng của Mỹ đối với kinh tế, thương mại toàn cầu nói chung và khu vực châu Á Thái Bình Dương nói riêng trong bài phát biểu minh: “Khi hơn 95% khách hàng tiềm năng sống bên ngoài biên giới nước Mỹ, chúng ta không thể để cho các quốc gia như Trung Quốc viết nên các quy tắc của nền kinh tế toàn cầu. Chúng ta cần viết nên những quy tắc đó, mở cửa thị trường mới cho các sản phẩm của Mỹ, đồng thời thiết lập các tiêu chuẩn cao cho người lao động song song với việc bảo vệ môi trường” (Thanh Hà, 2015).

Sau khi Donald Trump đắc cử tổng thống Mỹ, tương lai của Hiệp định TPP rất bấp bênh. Nhiều kịch bản đã được đặt ra như TPP có thể không có sự tham gia của Mỹ, có thể không có TPP hoặc các hiệp định thương mại khác thay thế cho TPP. Tuy nhiên, việc phân tích tác động của TPP đến nền kinh tế nước ta, nhất là các ngành hàng rất cần thiết bởi vì TPP là hiệp định thương mại đẳng cấp cao, việc phân tích tác động của TPP đến các ngành hàng sẽ gợi mở rất nhiều hướng chính sách phát triển ngành trong thời gian sắp tới khi mà cơ hội nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do sẽ rất nhiều.

3.1. Tổng quan bức tranh ngành dệt may

Ngành dệt may là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Năm 2015, toàn ngành dệt may Việt Nam đã xuất khẩu được 27 tỷ USD, giải quyết việc làm cho trên 2,5 triệu lao động. Năm 2016 mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam khi một loạt các FTA

đã kết thúc đàm phán, trong đó đáng chú ý là TPP và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) chính thức được thành lập. Ngành dệt ra mục tiêu sẽ đạt tổng kim ngạch xuất khẩu từ 30-31 tỷ USD, tăng 11% so với năm 2015.

Điểm mạnh và cũng là điểm giúp mở ra nhiều cơ hội nhất của ngành dệt may Việt Nam khi tham gia TPP là thị trường. Theo số liệu của Vitas, trong 10 tháng năm 2015, kim ngạch dệt may Việt Nam xuất khẩu vào khối TPP đạt hơn 12 tỷ USD với mức tăng trưởng so với 10 tháng năm 2014 là 10,8%, chiếm tới 67% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thị trường thế giới. Trong đó, tổng xuất khẩu vào thị trường Mỹ chiếm gần 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thị trường thế giới và chiếm tới gần 75% kim ngạch xuất khẩu vào khối TPP. Tiếp đến là thị trường Nhật Bản, chiếm 12% tổng kim ngạch xuất khẩu ra thế giới và 18% trong khối TPP với mức tăng trưởng đạt 12,3%. Mức thuế quan mà Hoa Kỳ áp dụng cho hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam là 17,5%; khi TPP có hiệu lực, 73,1% số dòng thuế sẽ được đưa ngay về 0%, số dòng thuế còn lại sẽ được cắt giảm theo lộ trình. Đối với thị trường Nhật Bản, hiện mức thuế nhập khẩu ưu đãi của Việt Nam đã là 0%, nhưng ngành dệt may vẫn kỳ vọng về mức tăng trưởng cao do được áp dụng linh hoạt về quy tắc xuất xứ và được phép cộng gộp xuất xứ nguyên liệu trong các nước TPP cũng như nhập khẩu từ ngoài khu vực TPP đối với một số mặt hàng.

Ngành dệt may Việt Nam có một số điểm yếu có thể tạo nên những thách thức khi tham gia TPP. Điểm yếu dễ nhận thấy nhất của dệt may Việt Nam là việc đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Yêu cầu về quy tắc xuất xứ của TPP tương đối khắc nghiệt. Quy tắc xuất xứ chủ đạo trong TPP là “từ sợi trở đi” hay

được gọi là quy tắc “3 công đoạn”, theo đó toàn bộ quá trình kéo sợi, dệt vải, nhuộm, hoàn tất và may đều phải được thực hiện trong nội khối TPP. Một số ngoại lệ là có 3 nhóm hàng được áp dụng quy tắc xuất xứ 1 công đoạn (cắt và may); cho phép danh sách nguồn cung thiếu hụt bao gồm 194 loại sợi, vải được sử dụng từ ngoài khu vực TPP; cho phép cơ chế 1 đổi 1 đối với Hoa Kỳ để linh động nguồn nguyên liệu bông đầu vào (Bộ Công Thương, 2015).

Yêu cầu về quy tắc xuất xứ là điểm yếu của ngành dệt may Việt Nam vì ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam yếu, nguồn cung nguyên liệu trong nước chỉ đáp ứng được phần nhỏ nhu cầu của ngành, dẫn tới nguyên liệu của ngành chủ yếu là nhập khẩu. Cụ thể, Việt Nam nhập khẩu bông chủ yếu từ Hoa Kỳ, còn các nhóm nguyên liệu khác nhập từ Trung Quốc và các quốc gia ngoài TPP.

Vì thế, trước mắt, tuy việc xâm nhập thị trường xuất khẩu của Việt Nam chưa bị ảnh hưởng mạnh do chúng ta có thể tận dụng được những ngoại lệ trong phần quy tắc xuất xứ dệt may của TPP, nhưng về lâu dài, Việt Nam vẫn phải cân nhắc chuyển hướng nhập khẩu nguyên phụ liệu và xây dựng riêng cho mình ngành công nghiệp phụ trợ.

Một điểm yếu nữa của ngành dệt may Việt Nam đó là cơ cấu ngành theo phương thức sản xuất, lần lượt như sau: CMT (85%), FOB chỉ khoảng 13% và chỉ 2% xuất khẩu theo phương thức ODM. Cả ba phương thức này đều là hoạt động gia công nhưng tỷ lệ giá trị thu về khác nhau. Đây là những khâu có giá trị gia tăng thấp nhất trong khi những khâu có giá trị gia tăng cao hơn như thiết kế, sản xuất nguyên phụ liệu, marketing và phân phối sản phẩm, Việt Nam đều yếu, do nguồn nhân lực năng suất thấp và hạn

Bảng 1: Tác động của TPP đến ngành dệt may Việt Nam nhìn từ nhập khẩu

Mã SP	Thay đổi nhập khẩu (1000 USD)	Thay đổi doanh thu thuế (1000 USD)	Thặng dư tiêu dùng (1000 USD)	Phúc lợi xã hội (1000 USD)
61	4243,4	-941,2	291,4	697,9
62	2126,1	-1633,2	196,2	188,9
63	277,6	-338,2	7,8	8,6
Tổng	6647,1	-2912,6	495,4	895,4

Lưu ý: HS 61 “quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc”

HS 62 “quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc”

HS 63 “các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; bộ vải; quần áo dệt cũ và các loại hàng dệt cũ khác; vải vụn”

Nguồn: Tính toán của các tác giả dựa trên số liệu của Ngân hàng Thế giới.

Bảng 2: Tác động của TPP đến nhập khẩu hàng may mặc Việt Nam phân theo các nước xuất khẩu

Đối tác	Mã SP	Nhập khẩu trước khi có TPP (1000 USD)	Nhập khẩu sau khi có TPP (1000 USD)	Thay đổi trong nhập khẩu (1000 USD)
Các nước TPP				
Australia	61	10.2	12.7	2.4
	62	42.8	50.3	7.5
	63	42.5	58.8	16.3
Brunei	63	8.1	8.0	-0.1
Canada	61	1.2	2.5	1.3
	62	13.0	17.7	4.7
	63	84.6	109.3	24.8
Chile	61	20.2	37.0	16.7
	63	19.6	23.3	3.7
Nhật Bản	61	2187.2	5706.2	3519.1
	62	35767.2	39967.9	4200.7
	63	2237.4	2411.9	174.5
Malaysia	61	1151.5	1145.8	-5.7
	62	1933.6	1921.8	-11.8
	63	1426.5	1421.7	-4.8
Mexico	61	97.6	130.5	32.9
	62	685.9	988.9	302.9
	63	53.6	67.6	14.0
New Zealand	63	4.6	5.5	0.9
Peru	61	56.4	80.1	23.7
	62	3.4	5.6	2.2
Singapore	61	85.9	84.6	-1.3
	62	493.4	480.7	-12.7
	63	421.5	415.0	-6.5
Mỹ	61	4053.1	5523.4	1470.3
	62	3581.6	4317.6	736.0
	63	1576.6	1919.7	343.1
Các nước ngoài TPP				
Bangladesh	61	379.5	364.9	-14.5
	62	1056.5	1046.9	-9.6
	63	1002.0	1002.0	0.0
Trung Quốc	61	219102.8	218714.1	-388.8
	62	75970.1	74545.7	-1424.4
	63	27492.6	27371.8	-120.9
Pháp	61	328.4	326.2	-2.2
	62	2109.6	2090.0	-19.6
	63	183.2	181.0	-2.3
Đức	61	897.8	868.5	-29.2
	62	1736.0	1672.1	-63.9
	63	858.9	851.0	-7.9

Hong Kong, Trung Quốc	61	2502.7	2496.0	-6.7
	62	9962.7	9727.3	-235.4
	63	1795.7	1785.9	-9.7
Ấn Độ	61	823.8	811.9	-12.0
	62	1980.8	1948.8	-32.0
	63	1926.2	1918.1	-8.0
Indonesia	61	1147.3	1127.6	-19.7
	62	1954.7	1921.1	-33.6
	63	251.3	250.1	-1.2
Ý	61	2734.5	2697.5	-36.9
	62	4945.4	4890.7	-54.7
	63	637.2	634.7	-2.5
Hàn Quốc	61	14854.1	14827.6	-26.6
	62	27749.9	27073.9	-676.0
	63	5113.6	5062.0	-51.6
Na Uy	61	8.8	8.5	-0.3
Philippines	61	156.2	150.4	-5.8
	62	110.1	109.3	-0.8
	63	2.0	2.0	0.0

Nguồn: Tính toán của các tác giả dựa trên số liệu của Ngân hàng Thế giới.

chế về vốn và công nghệ.

3.2. Đánh giá tác động của TPP đến ngành dệt may

Để xem xét tác động của TPP đến ngành dệt may Việt Nam, chúng tôi sử dụng mô hình cân bằng từng phần SMART như đã giới thiệu ở trên để phân tích. Bảng 1 thể hiện tác động của TPP đến ngành dệt may Việt Nam ở một số chỉ số quan trọng, gồm có thay đổi nhập khẩu sản phẩm dệt may, thay đổi doanh thu thuế, thặng dư của người tiêu dùng và phúc lợi xã hội của tổng thể nền kinh tế.

Với việc xóa bỏ thuế nhập khẩu (dệt may, giày dép được Việt Nam xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực), giá các mặt hàng liên quan sẽ giảm và do đó làm tăng tiêu dùng của người dân và tăng nhập khẩu. Tăng nhập khẩu hàng dệt may mã số HS 61, 62 và 63 sẽ vào khoảng 6,6 triệu USD, đây là con số không lớn vì nhập khẩu hàng dệt may thành phẩm không phải là mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam (trên thực tế, Việt Nam nhập nhiều hơn các nguyên phụ liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất các mặt hàng dệt may thành phẩm).

Tác động của TPP đến doanh thu thuế nhập khẩu của Việt Nam giảm khoảng 3 triệu USD, thặng dư tiêu dùng ở mức 0,5 triệu USD và tăng phúc lợi xã hội khoảng 0,9 triệu USD.

Bảng 2 cũng là kết quả mô phỏng của mô hình

SMART về tác động của TPP đến nhập khẩu của Việt Nam từ các đối tác thành viên và không phải thành viên trong TPP.

Với các nước là thành viên của TPP, nhập khẩu của Việt Nam từ các nước đó sẽ tăng, nhất là việc gia tăng mạnh nhập khẩu từ Mỹ và Nhật Bản. Còn với các quốc gia không phải là thành viên của TPP, nhập khẩu các mặt hàng dệt may từ các nước sẽ giảm và giảm mạnh nhất là từ Trung Quốc. Tuy nhiên, nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là các đầu vào bán thành phẩm và nguyên phụ liệu cho ngành dệt may để từ đó các doanh nghiệp tại Việt Nam gia công thành thành phẩm và xuất khẩu sang các nước khác. Tham gia TPP, bức tranh nhập khẩu nguyên phụ liệu cho ngành dệt may Việt Nam có thể sẽ thay đổi vì quy định nguồn gốc xuất xứ. Các doanh nghiệp Trung Quốc hoặc đóng tại Trung Quốc có thể sẽ dịch chuyển công nghiệp hỗ trợ ngành may mặc sang Việt Nam để tận dụng cơ hội của TPP. Đây là cơ hội lớn của Việt Nam để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ hiện đang rất non yếu.

Bảng 3 thể hiện tác động của TPP đến xuất khẩu các mặt hàng dệt may của Việt Nam sang Mỹ là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam trong TPP. Có thể thấy, giảm thuế nhập khẩu bằng 0 sẽ làm tăng xuất khẩu từ Việt Nam sang Mỹ ở tất cả

Bảng 3. Tác động của TPP đến xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam sang Mỹ

Mã SP	Hiệu ứng tổng thương mại	Hiệu ứng tạo dựng TM	Hiệu ứng chênh hướng TM
	(1000 USD)	(1000 USD)	(1000 USD)
61	1636407.5	763930.5	872477.0
62	861346.7	380648.3	480698.4
63	17269.2	8781.9	8487.3

Nguồn: Tính toán của các tác giả dựa trên số liệu của Ngân hàng Thế giới.

các nhóm hàng thuộc mã 61-63 khoảng 2,5 tỷ USD, trong đó là sự kết hợp giữa cả hiệu ứng tạo dựng thương mại và chênh hướng thương mại. Như vậy, cũng như nhiều đánh giá định lượng khác sử dụng mô hình cân bằng tổng thể, ngành dệt may Việt Nam tương đối được lợi khi nước ta tham gia TPP.

Mặc dù dệt may của các doanh nghiệp Việt Nam được lợi khi nền kinh tế tham gia TPP, nhưng có rất nhiều thách thức phía trước. *Thứ nhất*, hàng rào thuế quan bằng không nhưng các hàng rào phi thuế quan có thể sẽ được dựng lên để bảo vệ các nhóm lợi ích trong nền kinh tế Hoa Kỳ. *Thứ hai*, cuộc cách mạng khoa học lần thứ 4 đang thay đổi nhanh chóng, công nghệ trong ngành dệt may đang thay đổi với tốc độ cao vì thế những công đoạn gia công tận dụng lao động giá rẻ có thể sẽ quay trở lại nước Mỹ. Và với việc hai nước mở cửa hoàn toàn cho hàng dệt may, sản phẩm sản xuất từ nước Mỹ có thể sẽ xuất sang Việt Nam. Đây là “bẫy công nghệ” mà Việt Nam cần tính tới trong quá trình phát triển nền kinh tế trong nhiều năm tới.

4. Kết luận và gợi ý chính sách

Trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng mô hình SMART để đánh giá tác động của TPP đến ngành dệt may của Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy TPP tác động đến nhập khẩu dệt may của Việt Nam không đáng kể nhưng tác động đến xuất khẩu của ngành này là rất lớn với sự gia tăng 2,5 tỷ USD chỉ với một thị trường xuất khẩu là Mỹ.

Từ các phân tích trên, nhóm tác giả đề xuất một

số chính sách cho các cấp chính quyền trung ương và địa phương nhằm phát triển ngành dệt may trong quá trình tham gia TPP như sau:

Thứ nhất, ngành dệt may có thể được lợi từ TPP nhưng giảm thuế bằng 0 không có nghĩa doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận dễ dàng đến thị trường các nước thành viên của TPP. Chính phủ, các hiệp hội, tổ chức và doanh nghiệp trong nước cần hợp tác để nhận diện và vượt qua hàng rào phi thuế quan được các nước dựng lên sẽ ngày một nhiều thêm nhằm đối phó với hàng rào thuế quan giảm mạnh.

Thứ hai, Chính phủ, VCCI và các hiệp hội ngành nghề liên quan cần xây dựng chiến lược, triển khai các giải pháp chính sách nhằm chuyển dịch ngành dệt may nói chung của Việt Nam lên nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Việc tận dụng TPP để phát triển theo chiều rộng ngành dệt may sẽ không thể đem lại lợi ích dài hạn cho bản thân ngành dệt may nói riêng và cho nền kinh tế nói chung.

Thứ ba, ngành dệt may cần tính đến tốc độ phát triển công nghệ đang diễn ra theo cấp số nhân hiện nay (cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4). Sự phát triển công nghệ này có thể làm thay đổi toàn bộ quy trình và quá trình dịch chuyển chuỗi sản xuất trong ngành dệt may ở quy mô toàn cầu. Tận dụng cơ hội từ TPP cũng cần kết hợp với chiến lược ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất trong ngành dệt may để có thể phát triển ngành dệt may bền vững, đem lại tác động lan tỏa lớn nhất cho nền kinh tế.

Lời thừa nhận/cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số II4.1-2013.39

Tài liệu tham khảo

Bộ Công Thương (2015), ‘Tóm tắt cam kết về Dệt may trong TPP’, *Trung tâm WTO – VCCI*, truy cập lần cuối ngày 12 tháng 12 năm 2016, từ <<http://trungtamwto.vn/tpp/bo-cong-thuong-tom-tat-cam-ket-ve-det-may-trong-tpp>>.

- Ha Cong Anh Bao (2016), *The panorama for Vietnam's Timber Industry with Vietnam-EU Free Trade Agreement (EVFTA): Opportunities and challenges*, Working Paper No.05/2016, Swiss State Secretary of Economic Affairs (SECO), 47-60.
- Jammes, O. & Olarreaga, M. (2005), *Explaining SMART and GSI*, The World Bank, 2-12.
- Le Hong Hiep (2015), 'The TPP's Impact on Vietnam: A Preliminary Assessment', *Perspectives*, 2015(63), 6-12.
- Nguyễn Đức Thành & Nguyễn Thị Thu Hằng (2015), *Tác động của TPP và AEC lên nền kinh tế Việt Nam: Các khía cạnh vĩ mô và trường hợp ngành chăn nuôi*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
- Petri, P.A., Plummer, M.G. & Zhai, F. (2012), 'The Trans-Pacific Partnership and Asia-Pacific Integration: A Quantitative Assessment', *Policy Analyses in International Economics*, 98, 60-70.
- Petri, P.A. & Plummer, M.G. (2016), *The Economic Effects of the Trans-Pacific Partnership: New Estimates*, Working Paper Series, WP 16-2, The Peterson Institute for International Economics, Washington, 10-18.
- Phạm Minh Đức (2014), 'Ngành Dệt may Việt Nam trong bối cảnh Thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)', Bài trình bày tại Hội thảo về Dệt may, VCCI, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, tháng 8 năm 2014.
- Rani, P. & Kumar, N.R. (2014), *Export Performance of Indian Shrimp to European Union under proposed Free Trade Agreement: An Ex-ante Assessment*, Central Institute of Fisheries Education, Mumbai, Maharashtra, India.
- Thanh Hà (2015), 'Ký kết TPP: Bước tiến mới của Mỹ trong chính sách xoay trục sang châu Á', *Báo Hà Nội mới*, truy cập lần cuối ngày 12 tháng 12 năm 2016, từ <<http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Binh-luan/810647/ky-ket-tpp-buoc-tien-moi-cua-my-trong-chinh-sach-xoay-truc-sang-chau-a>>.
- Vanzetti, D. & Pham Lan Huong (2015), 'Rules of origin, labour standards and the TPP', paper presented at *17th Annual Conference on Global Economic Analysis*, June 18-20, 2014, Dakar.